TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST Ngày 20/6/2024 V/v Xin ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiệt

Bà Nguyễn Thị Út

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Kim T**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số F ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Đức H**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số F ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đặng Kim T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Bùi Đức H có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 37, ngày 03/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H lừa dối chị T, không chăm lo cho gia đình dẫn đến thường xuyên cải nhau, và xô xát. Anh H có đánh chị T nhiều lần nhưng chị không trình báo chính quyền. Hiện chị T đang sống bên nhà cha mẹ ruột của chị từ tháng 02/2024 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đức H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thành P, sinh ngày 31/5/2017 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 13/12/2019. Hiện cháu P và cháu T1 đang sống với mẹ, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Bùi Đức H trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Kim T về quan hệ hôn nhân. Anh H và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2016 theo quy định. Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn tết năm 2024 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T không chung thủy. Hoàn toàn không có việc anh lừa dối chị T, anh có đánh chị T 01 lần duy nhất cách đây khoảng 6 năm chứ không có đánh vợ thường xuyên. Chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 2/2024 đến nay. Nay theo yêu cầu của chị T thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H không đồng ý ly hôn với chị Đặng Kim T vì hai con còn nhỏ, việc ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của hai con. Về phương án khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì hiện nay anh không có phương án cụ thể nào, anh nhờ Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Anh H cam kết sẽ khắc phục những khuyết điểm, cố gắng chăm sóc gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thành P, sinh ngày 31/5/2017 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 13/12/2019. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu P không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu T1 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Kim T trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Đức H vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp Tòa án quyết định cho anh chị ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Kim T và anh Bùi Đức H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 37, ngày 03/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh H xảy ra mâu thuẫn với nhau, anh H lừa dối chị, không chăm lo cho gia đình dẫn đến thường xuyên cãi nhau, xô xát. Lúc xô xát anh còn đánh chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm khoảng tháng 02/2024 đến nay.

Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ cho các đương sự đồng thời cũng cho các bên có thời gian hàn gắn hôn nhân nhưng đến nay chị T xác định chị không còn tình cảm và vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh H. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bùi Thành P, sinh ngày 31/5/2017 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 13/12/2019. Xét cháu P và cháu T1 đã được chị T chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm anh chị ly thân đến nay. Tại Biên bản làm việc ngày 31/5/2024 cháu P có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu P và cháu T1 cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P và cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Đặng Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Kim T được ly hôn với anh Bùi Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thành P, sinh ngày 31/5/2017 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 13/12/2019 cho chị Đặng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Đức H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đặng Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000850 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Hồ,tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka